

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;*

*Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 18/TTr-SNN ngày 17/3/2022.*

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận (*Danh mục đính kèm*).

2. Quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 3 năm 2022.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC-Văn phòng Chính phủ;
- Sở TT&TT (p/h cập nhật các phần mềm);
- Sở Nội vụ (Phòng CCHC);
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC.Huy



**Lê Tuấn Phong**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY SẢN**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BÌNH THUẬN**  
*(kèm theo Quyết định số 796 /QĐ-UBND ngày 25 /3 /2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (05 TTHC)**

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Mức độ DVC	Thực hiện qua dịch vụ BCCI				
<b>1. Lĩnh vực Thủy sản (05 TTHC)</b>									
1	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	Mức độ 4	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Thủy sản.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017. - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ NN&PTNT. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ NN&PTNT.	<i>TTHC sửa đổi mẫu đơn, mẫu tờ khai, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC, căn cứ pháp lý.</i>
2	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	Mức độ 4	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Thủy sản	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017. - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ NN&PTNT. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ NN&PTNT	<i>TTHC sửa đổi mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thực hiện TTHC, căn cứ pháp lý.</i>
3	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	03 ngày làm việc	Mức độ 2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Thủy sản	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017. - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ NN&PTNT. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ NN&PTNT	<i>TTHC sửa đổi mẫu đơn, mẫu tờ khai, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC, căn cứ pháp lý.</i>

4	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	Mức độ 2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Thủy sản	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017. - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ NN&PTNT. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ NN&PTNT.	<i>TTHC sửa đổi mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thực hiện TTHC, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC, căn cứ pháp lý.</i>
5	1.003666	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	02 ngày làm việc	Mức độ 2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Thủy sản	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017. - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ NN&PTNT. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ NN&PTNT.	<i>TTHC sửa đổi mẫu đơn, mẫu tờ khai, căn cứ pháp lý.</i>

## B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO CƠ QUAN KHÁC THỰC HIỆN (02 TTHC)

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Mức độ DVC	Thực hiện qua dịch vụ BCCI				
<b>1. Lĩnh vực Thủy sản (02 TTHC)</b>									
1	1.003563	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	03 ngày làm việc	Mức độ 2	Có	Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Đăng kiểm tàu cá.	Theo từng hạng mục Mục II Biểu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Luật Thủy sản năm 2017. - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ NN&PTNT. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT	<i>TTHC sửa đổi mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thực hiện TTHC, căn cứ pháp lý.</i>

								ngày 18/01/2022 của Bộ NN&PTNT. - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính	
2	1.003590	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	20 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi).	Mức độ 2	Có	Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Đăng kiểm tàu cá.	5% giá thiết kế, theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính.	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ NN&PTNT. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ NN&PTNT. - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính.	<i>TTHC sửa đổi mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thực hiện TTHC, căn cứ pháp lý.</i>